TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2021/DSPT
Ngày 13/01/2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu
Bà Sơn Nữ Phà Ca

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*** **:**Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 và ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:199/2020/TLPT-DS, ngày 03/11/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 301/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1947; Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 38/18A, đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Giấy ủy quyền ngày 11/12/2020, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã Ma, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là chị Phạm Diễm Thúy – sinh năm 1980; Địa chỉ: khóm 4, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (ủy quyền ngày 23/11/2020, có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1950 (vắng mặt).
2. Bà Bùi Thị Tr sinh năm: 1954 (vắng mặt).
3. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1978(vắng mặt).
4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984(vắng mặt).
5. Anh Nguyễn Văn Tý E, sinh năm 1987(vắng mặt).
6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973(vắng mặt).
7. Chị Tăng Thị Ch, sinh năm 1981(vắng mặt).
8. Chị Trương Thị Kim Ng, sinh năm 1981(vắng mặt).
9. Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1987(vắng mặt).
10. Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1986(vắng mặt).
11. Anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1993(vắng mặt).
12. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1996(vắng mặt).
13. Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 2004(vắng mặt).
14. Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1967(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Nt trình bày:*

Thửa đất số 52, diện tích 200m^2 (thửa mới là thửa số 48, diện tích 171,7m^2), loại đất ở nông thôn, tọa lạc ấp, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị N đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bà Phạm Thị S là mẹ của bà N cho bà N, đến ngày 14/7/2003 bà Nhứt được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 52.

Khi có chương trình đo Vlap bà Nt không có chứng kiến ký tứ cận ranh đất. Đến năm 2011 Ủy ban nhân dân xã M mời bà N đến để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, do không biết chữ nên bà N không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất củ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới bị mất diện tích 28,3m^2.

Năm 2016, ông L xây cất nhà mới, lấn sát vách tường nhà bà N nên bà N có ngăn cản, có lập biên bản vào ngày 13/8/2016, hòa giải tại ấp M vào ngày 21/10/2016, ông L vẫn tiếp tục xây dựng. Bà N cho rằng nguyên nhân bị mất diện tích 28,3m^2 là do ông L đứng tên thửa số 53 cũ, diện tích 40m^2, nhưng thực tế ông L sử dụng khoảng 70m^2. Hiện trạng diện tích đất lấn chiếm 28,3m^2 có tài sản là nhà cấp 4, mái lợp tol, bêtông cốt thép. Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L tháo dỡ di dời nhà trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích là 28,3m^2 thuộc thửa 52 (cũ), diện tích chung 200m^2, tờ bản đồ số

2, loại đất thổ tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 14/7/2003. Bà N không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời hay bồi thường cho ông L vì ông L tự ý xây dựng.

*-Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:*Nguồn gốc đất tranh chấp là của mẹ ruột ông L tên Phạm Thị M cho ông Lăng 40m^2, diện tích sử dụng tăng thêm 26m^2 là do mua của ông Tư Chúc và của cậu vợ tên Lê Văn Cập cho. Năm 2016 ông L cùng vợ là bà Huỳnh Thị Th kê khai đăng ký lại thành thửa số 63, diện tích 66m^2. Sau đó, ông L cất lại nhà, trước khi cất lại nhà là xài chung vách nhà của bà N, chính quyền địa phương có giải quyết, ông L xây vách riêng. Ông L cho rằng Nhà nước cấp đất cho ông diện tích 66m^2 nên không đồng ý tháo dỡ di dời nhà trả lại phần đất diện tích 28,3m^2 theo yêu cầu khởi kiện của bà Nhứt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph, bà Bùi Thị Tr, anh Nguyễn Hoàng L, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn Tý E, anh Nguyễn Văn H, chị Tăng Thị Ch, chị Trương Thị Kim Ng, chị Trần Thị Bích L thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Th, chị Nguyễn Thị Thúy A, anh Nguyễn Phi L, anh Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị Tường V thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 166, khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.320.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi trả đủ tiền, ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th được kê khai, đăng ký sử dụng phần đất diện tích 6,0m^2 thuộc chiết thửa 48-2, loại đất ở nông thôn tọa lạc M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Thđược quyền sử dụng phần đất diện tích 25,6m^2 thuộc chiết thửa 63-1, loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về công nhận cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th được quyền sử dụng phần đất diện tích 25,6m^2, đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất ,về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản, lãi suất chậm thi hành án, án phí,

quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/09/2020 nguyên đơn bà N kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L phải tháo dỡ phần ngôi nhà đã cất lấn chiếm qua phần đất của bà N, bà N không đồng ý hỗ trợ hay bồi thường khoản nào cho ông L vì ông L tự ý xây dựng nhà mà không hỏi ý kiến của bà N và cố tình xây dựng khi bà N ngăn cản.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, n*gười kháng cáo bà N do anh Ng đại diện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu ông L phải tháo dỡ một phần ngôi nhà đã cất lấn chiếm qua phần đất của bà N diện tích 6,0m^2 thuộc chiết thửa 48, không đồng ý hỗ trợ chi phí di dời và bồi thường thiệt hại.

- Ông L do chị Th đại diện không đồng ý kháng cáo của bà N, đồng ý giá đất 1.000.000đ/m^2, đồng ý trả giá trị đất cho bà N phần diện tích ông L đang sử dụng 6,9 m^2 bằng 6.900.000đ .

**Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông L, bà Th trả giá trị đất cho bà N số tiền 6.900.000đ và công nhận phần đất 6,9 m^2 cho ông L, bà Th.

Ông L phải chịu 2.500.000đ chi phí định giá cấp phúc thẩm. Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà N còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Phần đất của bà Nguyễn Thị N thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 31, diện tích 171,7m^2 loại đất ở tại nông thôn tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 079984, số vào sổ cấp GCN: CH02150 ngày 22/3/2011.

[3] Phần đất của hộ ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 31, diện tích 66m^2 loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 128993, số vào sổ cấp GCN: CH07282 ngày 28/02/2013. Phần đất ông L có nguồn gốc của mẹ ông là bà Phạm Thị M để lại cho ông 40m^2, phần còn lại ông L mua của ông Nguyễn Thanh Tr và được ông Lê Văn C cho là phù hợp với tư liệu địa chính năm 1991 và lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Thanh Tr và ông Lê Thanh T (là con của ông Lê Văn C). Tại Công văn số: 381/UBND-NC ngày 11/4/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Bình M xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th tại thửa 63 là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

[4] Bà Nguyễn Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003 tại thửa 52, diện tích 200m^2. Tại Công văn số: 371/PTNMT ngày 03/12/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B xác định theo đo đạc VLAP thì thửa 52 được tách thành 02 thửa là thửa số 48, diện tích 171,7m^2 và thửa số 31, diện tích 15,4m^2, thửa 48 giảm diện tích 28,3m^2 so với diện tích thửa 52 là do ảnh hưởng đường đal và tách thành 02 thửa 48 và 31. Do vậy, bà N cho rằng hộ ông L và bà Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng lên 26m^2 là do lấn chiếm đất tại thửa 52 (nay là thửa 48) của bà N là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/9/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B xác định ông L đã xây dựng nhà lấn chiếm thửa 48 của bà N diện tích 6,0m^2 nên án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp pháp luật.

[6] Bà N kháng cáo yêu cầu ông L tháo dở di dời một phần căn nhà nằm trên phần đất 6,0m^2. Xét thấy, trên phần đất 6,0m^2 hiện nay là một phần căn nhà kiên cố của ông L, bà Th nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu căn nhà. Ông L do chị Th đại diện đồng ý trả giá trị đất theo giá thị trường do Hội đồng định giá ngày 04/01/2021 là 1.000.000đ/ m^2 là phù hợp. Tuy nhiên, ông L được quyền sử dụng diện tích 6,0m^2 thì diện tích còn lại 0,9m^2 nằm liền kề phía trong diện tích 6,0m^2 bà N không sử dụng được, các đương sự không tranh chấp phần diện tích 0,9m^2 nhưng không giải quyết phần diện tích đất này sẽ làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của bà N. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lăng do chị Th đại diện đồng ý nhận 6,9m^2 và trả giá trị đất cho bà Nhứt 6.900.000đ (6,9m^2 x 1.000.000đ/ m^2 = 6.900.000đ) là phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định :

- Ông L và bà Th phải nộp án phí 6.900.000đ x 5% = 345.000đ

- Bà N thuộc trường hợp người cao tuổi theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà Nhứt được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L tự nguyện nộp 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị N nộp tạm ứng, nên buộc ông Nguyễn Văn L nộp 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại bà Nguyễn Thị N nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về công nhận cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th được quyền sử dụng phần đất diện tích 25,6m^2 thuộc chiết thửa 63-1, loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.141.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) đã nộp xong, buộc ông Nguyễn Văn L chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để hoàn trả cho bà Nhứt không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N .
- Sửa bản án sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 166, khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị N giá trị phần đất có diện tích 6,9m^2 thuộc chiết thửa 48, loại đất ở nông thôn, tọa lạc M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bằng số tiền 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

1.2. Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th được quyền sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 6,9m^2 thuộc chiết thửa 48, loại đất ở nông thôn tọa lạc M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. *Phần đất diện tích 6,9m^2 có vị trí theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/9/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo bản án).*

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N không phải nộp án phí phúc thẩm và được miễn nộp án phí sơ thẩm; Hoàn trả bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008865 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

- Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th phải nộp án phí sơ thẩm là 345.000đ đồng (ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định cấp phúc thẩm :

- Ông Nguyễn Văn L tự nguyện nộp 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị N nộp tạm ứng, nên buộc ông Nguyễn Văn L nộp 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại bà Nguyễn Thị N nhận.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về công nhận cho ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Th được quyền sử dụng phần đất diện tích 25,6m^2 thuộc chiết thửa 63-1, loại đất ở nông thôn tọa lạc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.141.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) đã nộp xong, buộc ông Nguyễn Văn L chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để hoàn trả cho bà N không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND thị xã B ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ngọc Dung